

Bản án số: 09/2021/DSPT

Ngày: 20/10/2021

V/v “*Tranh chấp di sản thừa kế;  
tranh chấp chia thừa kế*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Tuấn Anh.

- *Các Thẩm phán:* Bà Đỗ Thị Thắm.

Ông Võ Công Phương.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hùng Cường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định:* Bà Võ Thị Lệ Giang - Kiểm sát viên *tham gia phiên tòa.*

Ngày 20 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 106/2021/TLPT-DS ngày 19 tháng 3 năm 2021 về “*Tranh chấp di sản thừa kế; tranh chấp chia thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 178/2020/DS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 158/2021/QĐ-PT ngày 03 tháng 06 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lâm Xuân Ph

- *Bị đơn:* Ông Lâm Văn H

Đều trú tại: Khu phố Ngọc A, phường Hoài T, thị xã H, tỉnh Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Hoàng Thị M

2. Anh Lâm Xuân C

Đều trú tại: Khu phố Ngọc A, phường Hoài T, thị xã H, tỉnh Bình Định.

*Người đại diện hợp pháp của anh Lâm Xuân C:* Bà Hoàng Thị M (Văn bản ủy quyền ngày 23/11/2018)

3. Anh Lâm Xuân H; trú tại: Thôn Phú S, xã K, huyện Sơn H, tỉnh P.

4. Anh Lâm Xuân Đ; trú tại: Thôn Liên S, xã Sơn X, huyện S, tỉnh P.
5. Chị Lâm Thị V; trú tại: Số nhà 210 đường Gò D, phường Tân B, quận T, TP. Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của anh H2, anh Đ và chị V: Anh Lâm Xuân Ph (Nguyên đơn trong vụ án) (Văn bản ủy quyền ngày 13/11/2018, 10/10/2018 và 20/02/2020)*

6. Bà Lâm Thị H1; trú tại: Khu phố Ngọc An T, phường Hoài T, thị xã H, tỉnh Bình Định.

7. Bà Lâm Thị V2; trú tại: Khu phố Tài L, phường Hoài T, thị xã H, tỉnh Bình Định.

8. Ông Lâm Văn M; trú tại: Thôn Liên S, xã Phước V, huyện Ninh P, tỉnh N.

- *Người kháng cáo: Ông Lâm Văn H - Bị đơn.*

- *Kháng nghị số 834/QĐKNPT-VKS-DS ngày 01/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã H.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn anh Lâm Xuân Ph trình bày:*

Vợ chồng cụ Lâm Kh (chết năm 1995), Nguyễn Thị T (chết năm 1947) có 04 người con nhưng 03 người chết lúc nhỏ chỉ còn ông Lâm Đ1 (chết năm 2001). Ông Lâm Đ1 có vợ là bà Hoàng Thị M và 05 người con: Lâm Xuân Ph, Lâm Xuân Đ, Lâm Xuân H2, Lâm Xuân C và Lâm Thị V.

Sau khi cụ Nguyễn Thị T chết, cụ Lâm Kh kết hôn với cụ Nguyễn Thị H3 (chết năm 2002). Cụ Kh và cụ H3 có 04 con chung: Lâm Văn H, Lâm Thị V, Lâm Thị H1 và Lâm Văn M1.

Nguồn gốc thửa đất số 1193, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.256m<sup>2</sup> (đất ở: 200m<sup>2</sup>; đất vườn: 1.056m<sup>2</sup>) là của vợ chồng cụ Kh, cụ T tạo lập. Năm 1993, thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ, hộ gia đình cụ Khôi được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất bao gồm các thửa: 1193 diện tích 1.256 m<sup>2</sup> (đất ở: 200m<sup>2</sup>; đất vườn: 1.056m<sup>2</sup>), thửa 690A và thửa 690B (đều là đất lúa), tờ bản đồ số 01 tại thôn Ngọc A, xã Hoài T, huyện H, tỉnh Bình Định (nay là khu phố Ngọc A, phường Hoài T, thị xã H). Tại thời điểm Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất, hộ gia đình cụ Kh có 02 nhân khẩu là cụ Kh và cụ Nguyễn Thị H3. Ngày 01/8/1997, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho cụ H3 đối với 03 thửa đất nêu trên.

Ngoài ra, cụ Kh và cụ T không có tài sản chung nào khác.

Lúc còn sống, cụ Kh và cụ T sinh sống tại ngôi nhà tranh trên thửa đất số 1193. Sau năm 1975, cụ Kh và ông Lâm Đ1 (cha anh) bỏ tiền xây dựng lại nhà như hiện nay. Từ khi cụ Kh chết, ông Lâm Văn H là người quản lý, sử

dụng ngôi nhà, không sửa chữa gì thêm. Ngoài ra, cụ Kh còn trồng khoảng 15 cây dứa, cau. Thừa đất số 690A (đất lúa) Nhà nước thu hồi và đền bù số tiền 9.975.000 đồng.

Anh yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Kh, cụ T và cụ H3. Anh yêu cầu nhận bằng hiện vật. Đối với thừa đất lúa đã bị nhà nước thu hồi và đền bù nên anh yêu cầu chia số tiền mà Nhà nước đền bù 9.975.000 đồng.

*Bị đơn ông Lâm Văn H trình bày:*

Ông là con cụ Lâm Kh và Nguyễn Thị 3. Cha mẹ ông có 06 người con: Lâm Văn H, Lâm Thị V2, Lâm Thị H1, Lâm Văn M1, Lâm Thị K (bà K chết lúc 09 tuổi).

Cha ông chết ngày 03/01/1995 âm lịch, mẹ ông chết ngày 12/6/2003. Cha ông chết không để lại di chúc. Ngày 22/3/2003, mẹ ông lập di chúc nhưng không công chứng, chứng thực. Di chúc có chữ ký của mẹ ông và các con: H, H1 và V2. Có người làm chứng là ông Lâm Văn Ch, ông Lâm Văn K1, Lâm Q và Lâm Văn Th.

Nguồn gốc thừa đất số 1193, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.256m<sup>2</sup> (đất ở: 200m<sup>2</sup>; đất vườn: 1.056m<sup>2</sup>) là của ông bà để lại cho cha mẹ ông từ năm 1952. Năm 1993, thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ, cha mẹ được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất bao gồm các thửa: 1193 diện tích 1.256m<sup>2</sup> (đất ở: 200m<sup>2</sup>; đất vườn: 1.056m<sup>2</sup>), thửa số 690A và thửa số 690B hai thửa này là đất lúa, tờ bản đồ số 01 tại thôn Ngọc A, xã Hoài T, huyện H, tỉnh Bình Định (nay là khu phố Ngọc A, phường Hoài T, thị xã H). Tại thời điểm Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất, hộ gia đình có 02 nhân khẩu là cha và mẹ ông. Ngày 01/8/1997, UBND huyện Hoài Nhơn cấp GCNQSDĐ đứng tên mẹ ông đối với 03 thửa đất nêu trên.

Trước khi kết hôn với mẹ ông, cha ông đã có vợ là cụ Nguyễn Thị T nhưng sau đó cụ T chết. Cha ông và cụ T sinh sống ở đâu ông không biết. Khi kết hôn với mẹ ông thì cha mẹ và các anh em ông ở trên thừa đất số 1193. Trước năm 1975, cha ông dựng một ngôi nhà tranh ở tạm. Sau giải phóng cha mẹ xây dựng nhà có cột kèo bằng gỗ, tường tấp lô, mái ngói. Sau này nhà sửa chữa nhiều lần như thay rui, mè, lợp lại ngói do ông bỏ tiền ra nhưng số tiền bao nhiêu, ông không nhớ.

Hiện nay nhà, đất do ông đang quản lý. Trên đất khoảng 15 cây dứa, cau. Thừa đất lúa số 690A nhà nước thu hồi đền bù 9.975.000 đồng ông là người nhận nhưng ông đã sử dụng hết để thuốc men và mai táng cho mẹ ông là cụ Nguyễn Thị H3.

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì toàn bộ tài sản trên mẹ ông đã cho em trai ông là Lâm Văn M1 trọn quyền sở hữu, sử dụng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Hoàng Thị M, anh Lâm Xuân Đ, anh Lâm Xuân C, anh Lâm Xuân H2 và chị Lâm Thị V thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn.

- Ông Lâm Văn M1, bà Lâm Thị H2 và bà Lâm Thị V2 thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của bị đơn.

*Bản án số 178/2020/DS-ST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã H đã xử:*

1. Giao cho ông Lâm Văn M1 trọn quyền sử dụng:

- Thừa ruộng 690B, tờ bản đồ số 01, diện tích 93m<sup>2</sup> đất trồng lúa, khu phố Ngọc A, phường Hoài T, thị xã H, tỉnh Bình Định.

- Một phần thửa đất số 1193, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.125,4m<sup>2</sup> (trong đó có 134m<sup>2</sup> đất ở; 991,4m<sup>2</sup> đất vườn), khu phố Ngọc A, phường Hoài T, thị xã H, tỉnh Bình Định, giới cận:

Đông giáp đường bê tông dài: 1,80m; 4,55m; 4,73m; 9,84m; 4,46m

Tây giáp các thửa đất: 1332, 1483, 1482, 1481, 870 dài: 11,21m, 4,51m, 450m, 450m, 4,50m

Nam giáp thửa đất 943 và 1487 dài: 27,56m; 9,95m; 2,33m; 1,22m

Bắc giáp đất cùng thửa dài 41,70m

Hiện tại thửa đất số 690B và một phần thửa đất số 1193 có diện tích 1.144,2m<sup>2</sup> cùng tài sản trên đất ông H đang quản lý sử dụng do đó ông H phải có trách nhiệm giao lại cho ông M1 quyền sở hữu sử dụng.

2. Giao cho bà Hoàng Thị M, anh Lâm Xuân Ph, anh Lâm Xuân H2, anh Lâm Xuân C, anh Lâm Xuân Đ và chị Lâm Thị V chung quyền sử dụng một phần thửa đất số 1193, tờ bản đồ số 01, diện tích 159m<sup>2</sup> (trong đó 66m<sup>2</sup> đất ở và 93m<sup>2</sup> đất vườn), khu phố Ngọc A, phường Hoài T, thị xã H, tỉnh Bình Định, giới cận:

Đông giáp đường bê tông dài: 0,60m; 2,80m.

Tây giáp thửa đất số 1480 dài 4,50m.

Nam giáp đất cùng thửa dài 41,70m.

Bắc giáp các thửa đất 868, 1423, 1424 dài: 5,34m; 5,11m; 4,63m, 1,55m; 25,20m.

Hiện một phần thửa đất số 1193, diện tích 159m<sup>2</sup> cùng tài sản trên đất ông H đang quản lý sử dụng do đó ông H phải có trách nhiệm giao lại cho bà M, anh Ph, anh H2, anh C, anh Đ và chị V chung quyền sở hữu sử dụng.

3. Buộc bà Hoàng Thị M, anh Lâm Xuân Ph, anh Lâm Xuân H2, anh Lâm Xuân C, anh Lâm Xuân Đ và chị Lâm Thị V phải thanh toán lại cho ông M1 4.020.180 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 28/9/2020, bị đơn ông Lâm Văn H kháng cáo yêu cầu xác định 200 m<sup>2</sup> đất ở thửa đất số 1193 tờ bản đồ số 01, khu phố Ngọc A, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định là tài sản chung của cha mẹ ông là cụ Lâm Kh và Nguyễn Thị H3, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm

Ngày 01/10/2020 Viện kiểm sát nhân dân thị xã H kháng nghị theo hướng sửa bản án sơ thẩm xác định diện tích 200m<sup>2</sup> đất ở thuộc thửa đất số 1193, tờ bản đồ số 01 tại thôn Ngọc A, xã H, huyện H, tỉnh Bình Định thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng cụ Lâm Kh và Nguyễn Thị H3; Ông Lâm Văn M1, bà Hoàng Thị M là người cao tuổi nhưng quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không hướng dẫn đương sự làm đơn đề nghị miễn án mà buộc ông M1, bà M chịu án phí dân sự sơ thẩm là trái với quy định tại Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Lâm Văn H; chấp nhận kháng nghị số 834/QĐKNPT-VKS-DS ngày 01/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Lâm Văn H là người kháng cáo đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt coi như từ bỏ việc kháng cáo nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Lâm Văn Hay.

[2] Về nội dung:

Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã H đề nghị sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn theo hướng: Xác định diện tích 200m<sup>2</sup> đất ở thuộc thửa đất số 1193, tờ bản đồ số 01 tại thôn Ngọc An Trung, xã Hoài T, huyện H, tỉnh Bình Định thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng cụ Lâm Kh và Nguyễn Thị H3; Ông Lâm Văn M1, bà Hoàng Thị M là người cao tuổi nhưng quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không hướng dẫn đương sự làm đơn đề nghị miễn án mà buộc ông M1, bà M chịu án phí dân sự sơ thẩm là trái với quy định tại Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về việc xác định di sản thừa kế:

Năm 1993, thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, hộ gia đình cụ Lâm Kh được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất bao gồm các thửa: Thửa số 1193, diện tích 1.256m<sup>2</sup> (đất ở: 200m<sup>2</sup>; đất vườn:

1.056m<sup>2</sup>); thửa 690A và thửa 690B (đất lúa) đều thuộc tờ bản đồ số 01 tại thôn Ngọc An Trung, xã Hoài T, huyện H, tỉnh Bình Định (nay là khu phố Ngọc An, phường Hoài T, thị xã H). Tại thời điểm Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất, hộ gia đình cụ Kh có 02 nhân khẩu là cụ Kh và cụ Nguyễn Thị H3 (vợ cụ Kh). Ngày 01/8/1997, UBND huyện H cấp GCNQSDĐ cho cụ Nguyễn Thị H3 vì lúc này cụ Kh đã chết (chết năm 1995) đối với 03 thửa đất nêu trên.

Theo nguyên đơn anh Lâm Xuân Ph, nguồn gốc thửa đất số 1193 là của ông bà nội anh tức vợ chồng cụ Lâm Kh, cụ Nguyễn Thị T tạo lập, trên đất có ngôi nhà tranh. Lúc còn sống, ông bà nội sinh sống tại ngôi nhà này. Năm 1947, bà nội anh chết. Sau năm 1975, ông nội và cha anh là ông Lâm Đ1 bỏ tiền xây dựng lại nhà như hiện nay. Từ khi ông nội anh chết, ông Lâm Văn H là người quản lý, sử dụng ngôi nhà, không sửa chữa gì thêm.

Các ông, bà gồm Lâm Văn H, Lâm Văn M1, Lâm Thị H1 và Lâm Thị V2 là con chung của cụ Kh và cụ Nguyễn Thị H3 cho rằng nguồn gốc thửa đất là của cụ Lâm Kh và cụ Nguyễn Thị H3 được thừa hưởng của ông nội là cố Lâm Qu từ năm 1952. Các ông bà đều sinh ra, lớn lên tại ngôi nhà trên mảnh đất mà cha mẹ được thừa hưởng của ông nội.

Như vậy, nguyên đơn và bị đơn không thống nhất về nguồn gốc thửa đất số 1193, tờ bản đồ số 01. Mặc dù cho rằng thửa đất số 1193 là của cụ Khôi và cụ Tụ tạo lập nhưng anh Ph không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình.

Theo Biên bản làm việc ngày 18/6/2020, UBND phường Hoài T cung cấp: Tại thời điểm giao quyền sử dụng đất (ngày 15/10/1993) cho hộ cụ Nguyễn Thị H3, hộ cụ H3 có 02 nhân khẩu là cụ H3 và cụ Lâm Kh. Theo Sổ mục kê đất do Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai thị xã H cung cấp thể hiện các thửa đất gồm: thửa số 1193 (đất ở: 200m<sup>2</sup>, đất vườn: 1056m<sup>2</sup>), thửa số 690A và thửa 690B do cụ H3 đăng ký kê khai và được cấp GCNQSDĐ. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ lời khai của nguyên đơn để xác định 200m<sup>2</sup> đất ở thuộc thửa đất số 1193, tờ bản đồ số 01 là tài sản chung của cụ Kh và cụ T, còn kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã H thì cho rằng 200m<sup>2</sup> đất ở thuộc thửa đất số 1193, tờ bản đồ số 01 là của cụ Kh và cụ H3 là chưa có căn cứ vững chắc vì Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ nguồn gốc đất nêu trên cụ Lâm Kh sử dụng từ thời gian nào, nếu sử dụng trước năm 1947 thì đất ở được xác định là tài sản chung của cụ Kh và cụ T nhưng nếu sử dụng từ năm 1952 theo lời khai của ông H thì đất ở là tài sản chung của cụ Kh và cụ H3.

## [2.2] Về chia thừa kế:

Anh Lâm Xuân Ph yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Kh, cụ T và cụ H3, yêu cầu được nhận bằng hiện vật. Riêng thửa đất lúa đã bị Nhà nước thu hồi có đền bù số tiền đền bù là 9.975.000 đồng anh yêu cầu chia số tiền này.

Theo Biên bản định giá tài sản ngày 31/7/2019, thửa đất số 1193, tờ bản đồ số 01 có diện tích thực tế 1.304,2m<sup>2</sup> trong đó bao gồm 200m<sup>2</sup> đất ở, theo giá thị trường thửa đất nêu trên có giá 500.000.000 đồng nhưng không tách riêng giá đất ở, giá đất vườn theo thị trường là bao nhiêu? Ngày 17/9/2020, vụ án được đưa ra xét xử sơ thẩm thời hạn đã quá 06 tháng, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm không hỏi ý kiến các đương sự có yêu cầu định giá lại tài sản không nhưng lại làm văn bản yêu cầu Phòng Tài chính – Kế hoạch thị xã H cung cấp giá đất theo quy định của Nhà nước là không đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên đương sự.

Nguyên đơn yêu cầu nhận phần thừa kế bằng hiện vật, cụ thể là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1193, tờ bản đồ số 01. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét hiện nay anh Ph, vợ và các con ông Lâm Đ1 đã có chỗ ở ổn định hay chưa mà chấp nhận chia cho bà Hoàng Thị M và các con ông Đ1 diện tích đất 159m<sup>2</sup> (trong đó có 66m<sup>2</sup> đất ở và 93m<sup>2</sup> đất vườn). Trong phần quyết định của bản án sơ thẩm ghi: “Hiện một phần thừa đất số 1193, diện tích 159m<sup>2</sup> cùng tài sản trên đất ông H đang quản lý sử dụng do đó ông H phải có trách nhiệm giao lại cho bà M, anh Ph, anh Ho2, anh C, anh Đ và chị V chung quyền sở hữu sử dụng” nhưng không nêu rõ là tài sản gì? Vị trí của các tài sản trên sơ đồ vì các đương sự đều thống nhất rằng trên đất có nhà và 15 cây dừa, cau. Việc quyết định không cụ thể dẫn đến khó khăn trong việc thi hành án. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm đã yêu cầu các bên đương sự nộp tạm ứng để tiến hành xem xét tại chỗ đối với diện tích đất đang tranh chấp nhưng các đương sự không chịu nộp.

Ngoài ra, các đương sự trong vụ án như ông Lâm Văn M1, bà Hoàng Thị M là người cao tuổi là đối tượng được miễn án phí theo quy định tại Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không giải thích cho đương sự đề họ làm đơn xin miễn án phí mà lại buộc đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là trái với quy định nêu trên.

Từ những phân tích tại [2.1] và [2.2], Hội đồng xét xử thấy rằng việc thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên Tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được vì vậy phải hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Lâm Văn H không phải chịu.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Lâm Văn H; chấp nhận kháng nghị số 834/QĐKNPT-

VKS-DS ngày 01/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã H chỉ phù hợp một phần với nhận định của Tòa.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310; khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Lâm Văn H.

2. Hủy Bản án dân sự số 178/2020/DS-ST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã H về “tranh chấp di sản thừa kế; tranh chấp chia thừa kế” giữa nguyên đơn anh Lâm Xuân Ph với bị đơn ông Lâm Văn H. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã H giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lâm Văn H không phải chịu. Hoàn lại cho ông Lâm Văn H 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai số 0000076 ngày 28/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND TX. H;
- Chi cục THADS TX. H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Hồ Tuấn Anh**